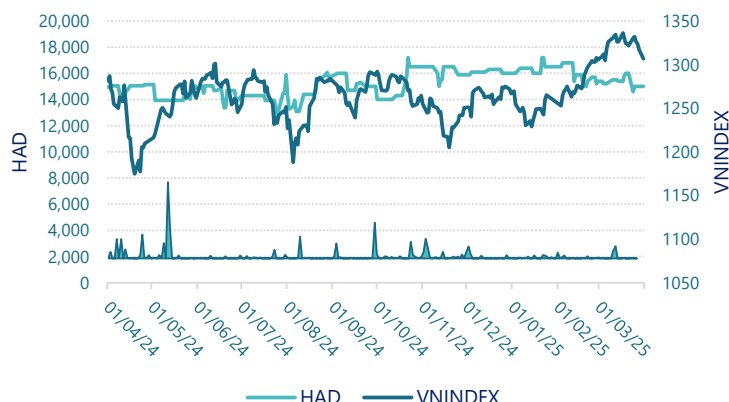


CTCP Bia Hà Nội - Hải Dương (HNX: HAD)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	15,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,727
SL cổ phiếu LH	4,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,450
% sở hữu nước ngoài	10.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	60
P/E	9.3
EPS	1,604

DT thuần

Q1/25

14.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼16.4| -53.0%

YoY: ▲ 0.10| 0.8%

LN sau thuế

Q1/25

-0.92

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.33| 59.2%

YoY: ▲ 0.11| 10.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

4.6%

+/- YoY: ▲ 0.1%

DT thuần

2024

172

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.00| 3.2%

LN sau thuế

2024

6.31

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.30| 5.0%

ROE

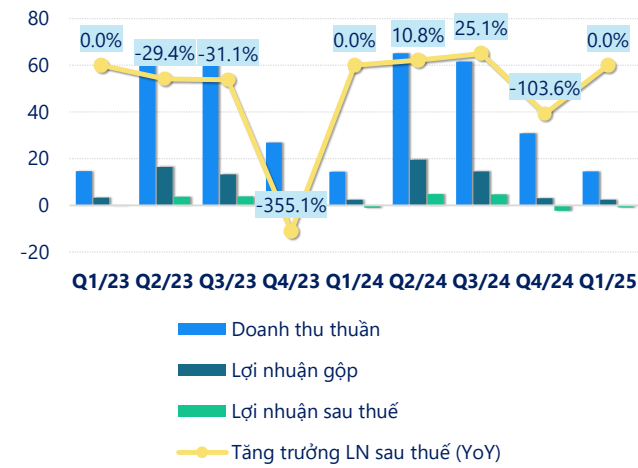
2024

8.5%

+/- YoY: ▲ 0.5%

tỷ VNĐ

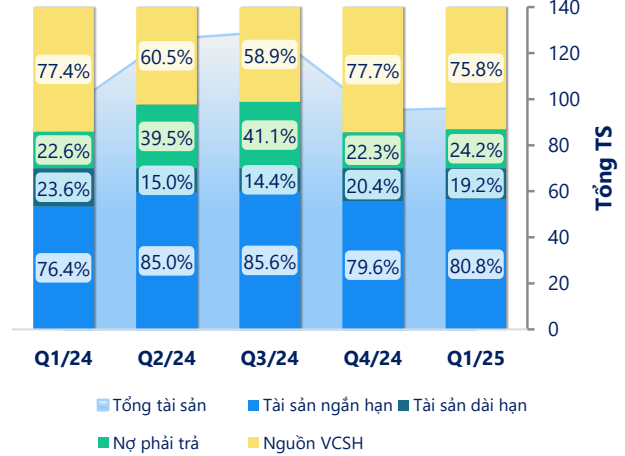
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

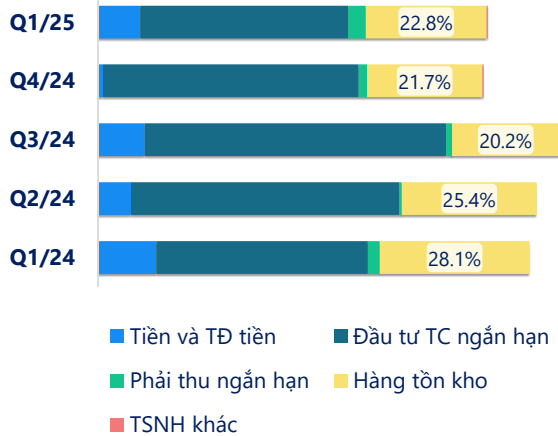
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



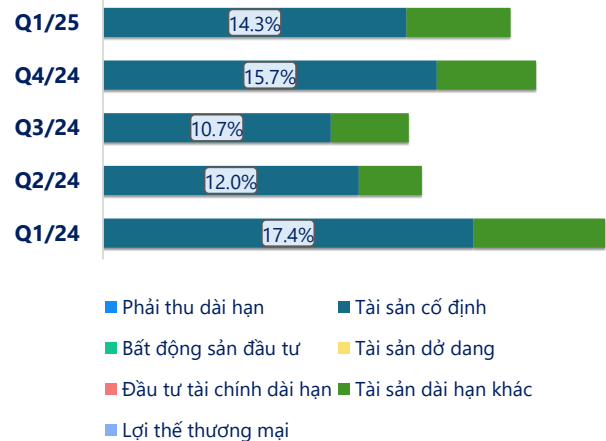
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

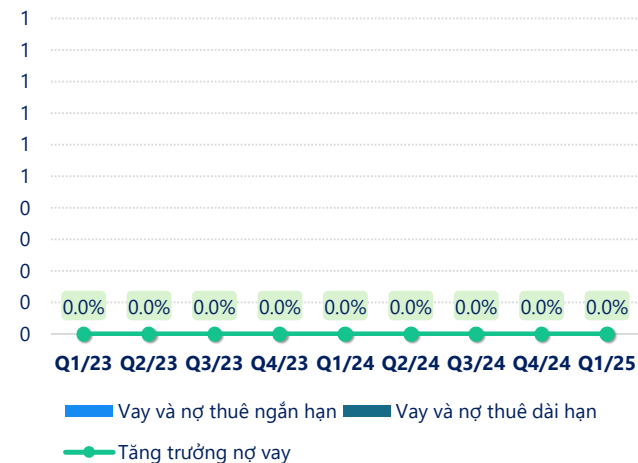
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

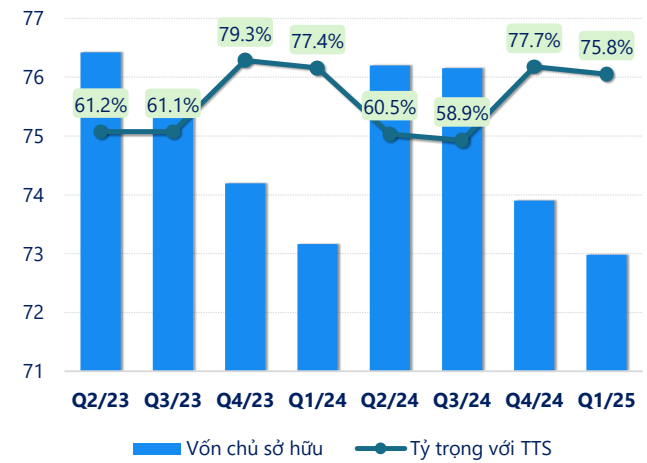
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

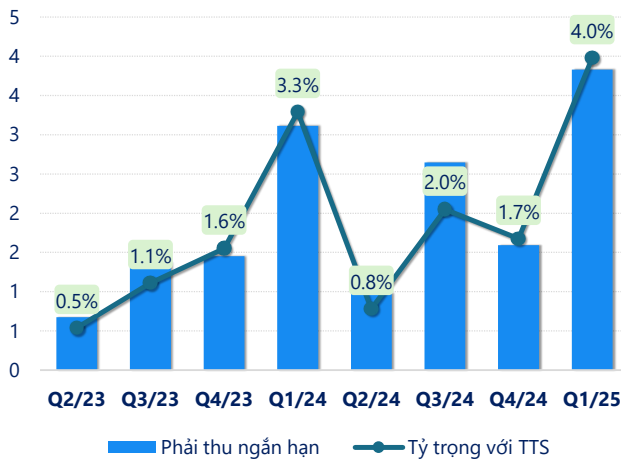
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


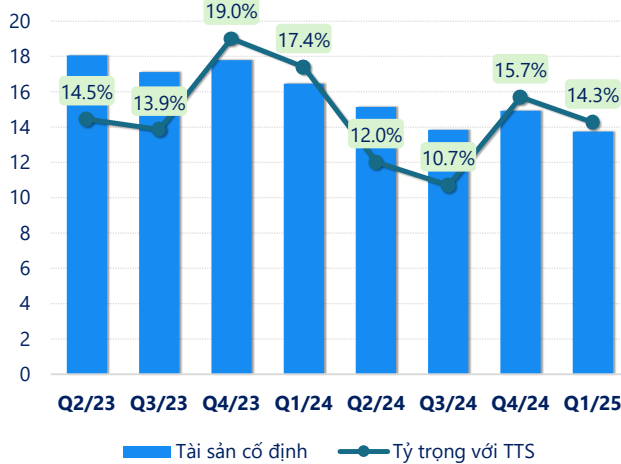
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

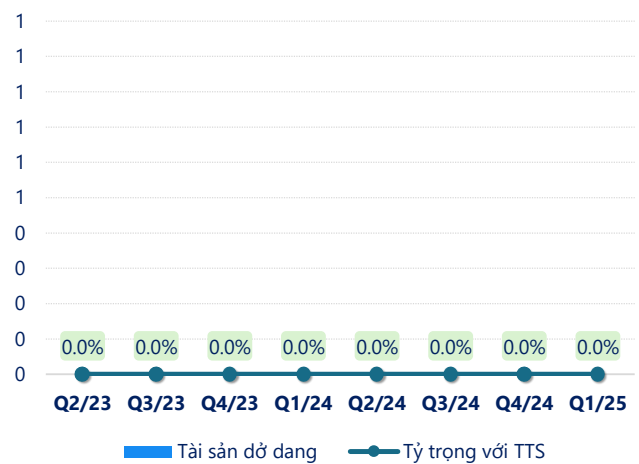

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

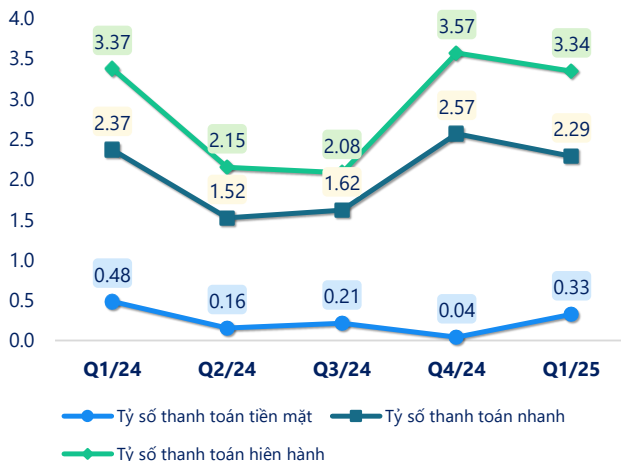
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

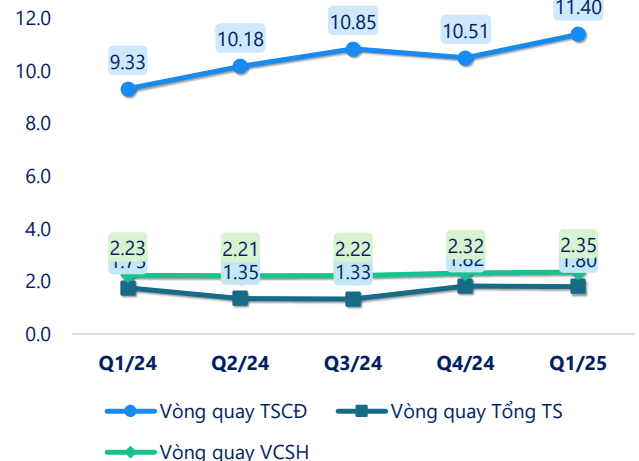
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	94.6	126	129	95.1	96.3
Tài sản ngắn hạn	72.2	107	111	75.7	77.8
Tiền và tương đương tiền	10.4	7.77	11.3	0.87	7.61
Đầu tư tài chính ngắn hạn	37.0	67.0	72.0	52.0	41.0
Phải thu ngắn hạn	3.11	0.99	2.65	1.59	3.83
Hàng tồn kho	21.5	31.3	24.8	21.3	24.6
Tài sản ngắn hạn khác	0.22	0	0	0	0.80
Tài sản dài hạn	22.3	18.9	18.6	19.4	18.4
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	16.5	15.1	13.8	14.9	13.7
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	5.87	3.75	4.74	4.44	4.71
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	21.4	49.7	53.1	21.2	23.3
Nợ ngắn hạn	21.4	49.7	53.1	21.2	23.3
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	4.53	7.27	5.28	1.54	4.57
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	73.2	76.2	76.2	73.9	73.0
Vốn chủ sở hữu	73.2	76.2	76.2	73.9	73.0
Vốn điều lệ	40.0	40.0	40.0	40.0	40.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)